ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 72 /TTr-UBND	*TP.Sóc Trăng, ngày 14 tháng 6 năm 2022*

TỜ TRÌNH

Về điều chỉnh dự toán thu - chi ngân sách thành phố Sóc Trăng năm 2022 (đợt 1)

Kính gửi: Hội đồng Nhân dân thành phố Sóc Trăng

Thực hiện theo quy định tại Khoản 2, Khoản 3, Điều 36 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP, ngày 21/12/2016 của Chính phủ.

Quá trình điều hành ngân sách thành phố trong 6 tháng đầu năm 2022 có phát sinh một số khoản thu, chi ngân sách so với dự toán đã phân bổ đầu năm 2022 như: ngân sách tỉnh bổ sung có mục tiêu (bổ sung ngoài dự toán đầu năm) cho ngân sách thành phố; từ khoản thu, chi chuyển nguồn theo quy định của Bộ Tài chính; từ kết dư ngân sách...

Căn cứ quy định và tình hình phát sinh nêu trên. Ủy ban nhân dân thành phố trình Hội đồng nhân dân thành phố xem xét, quyết định điều chỉnh dự toán thu - chi ngân sách thành phố Sóc Trăng năm 2022 (đợt 1) (dự toán thu ngân sách Nhà nước theo phân cấp trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng năm 2022 theo Nghị quyết số 90/NQ-HĐND ngày 17/12/2021 của Hội đồng nhân dân thành phố Sóc Trăng là 600.169.000.000 đồng), cụ thể như sau:

I. Điều chỉnh dự toán thu ngân sách thành phố 6 tháng đầu năm 2022 (đợt 1):

Điều chỉnh tăng dự toán thu ngân sách thành phố là: 202.085.523.000 đồng. Dự toán sau khi điều chỉnh: 803.180.803.000 đồng. Trong đó:

1. Dự toán thu ngân sách thành phố được hưởng theo phân cấp là: 414.600.000.000 đồng.

2. Tăng dự toán thu bổ sung từ ngân sách cấp trên: 30.422.486.000 đồng. Dự toán sau khi điều chỉnh: 216.917.766.000 đồng

- Dự toán thu bổ sung cân đối là 156.816.000.000 đồng.
- Tăng dự toán thu bổ sung có mục tiêu là 30.422.486.000 đồng. Dự toán sau khi điều chỉnh là 60.101.766.000 đồng.

3. Tăng dự toán thu chuyển nguồn ngân sách thành phố năm 2021 chuyển sang năm 2022 là 53.704.303.000 đồng (theo Công văn số 15391/BTC-KBNN ngày 24/12/2018 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn xử lý chuyển nguồn ngân sách cuối năm 2018 sang năm 2019 và các năm tiếp theo, lập và gửi báo cáo quyết toán ngân sách hàng năm).

4. Tăng dự toán thu kết dư ngân sách địa phương năm 2021 là: 117.958.734.000 đồng.

II. Điều chỉnh dự toán chi ngân sách thành phố 6 tháng đầu năm 2022 (đợt 1):

* Điều chỉnh tăng dự toán chi ngân sách trên địa bàn thành phố là 202.085.523.000 đồng. Dự toán sau khi điều chỉnh là 802.254.523.000 đồng. Trong đó:

1. Điều chỉnh tăng dự toán chi ngân sách thành phố là 182.459.173.000 đồng. Dự toán sau khi điều chỉnh là 732.672.953.000 đồng.

1.1 Dự toán chi cấp thành phố theo phân cấp là 521.460.780.000 đồng.

1.2 Tăng dự toán chi bổ sung có mục tiêu là 26.898.715.000 đồng. Dự toán sau khi điều chỉnh là 55.651.715.000 đồng.

1.3 Tăng dự toán chi từ khoản thu chuyển nguồn năm 2021 chuyển sang năm 2022 là 48.079.223.000 đồng.

1.4 Tăng dự toán chi từ khoản thu kết dư ngân sách thành phố năm 2019 là 107.481.235.000 đồng

2. Dự toán chi bổ sung ngân sách phường là 19.626.350.000 đồng. Dự toán chi ngân sách phường sau khi điều chỉnh là 69.581.570.000 đồng

Ngoài ra, trong điều hành ngân sách 6 tháng cuối năm 2022, trường hợp có phát sinh nguồn hoặc được bổ sung vốn cho những nhiệm vụ cụ thể (không thuộc nhiệm vụ thu - chi đã điều chỉnh) thì đề nghị Hội đồng nhân dân giao cho Ủy ban nhân dân thành phố quyết định phân bổ, sử dụng đúng nhiệm vụ, mục tiêu của nguồn phát sinh và báo cáo với Hội đồng nhân dân trong kỳ họp cuối năm 2022.

(Đính kèm phụ lục chi tiết)

Trên đây là nội dung điều chỉnh dự toán thu - chi ngân sách thành phố Sóc Trăng năm 2022 (đợt 1). Trình Đại biểu HĐND thành phố xem xét, quyết định./.

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Quận

Nơi nhận:
-TT.TU;
-TT.HĐND.TP;
-Ban KTXH.HĐNDTP;
-Đại biểu HĐND;
-Thành viên UBNDTP;
-Lưu: NC,LT.

Phụ lục điều chỉnh dự toán thu - chi ngân sách thành phố Sóc Trăng 6 tháng đầu năm 2022 (đợt 1)

(kèm theo Tờ trình số: 72 /TTr-UBND, ngày 14 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Sóc Trăng)

Đơn vị tính: ngàn đồng

Nội dung	Dự toán đầu năm (+đ/ chỉnh)	Dự toán điều chỉnh tăng (+) giảm (-)	Dự toán sau khi điều chỉnh	Ghi chú
A.Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn thành phố Sóc Trăng	**601.095.280**	**202.085.523**	**803.180.803**	
***Dự toán thu ngân sách thành phố Sóc Trăng**	**601.095.280**	**202.085.523**	**803.180.803**	
Trong đó:				
1.Dự toán thu ngân sách thành phố Sóc Trăng được hưởng theo phân cấp	**414.600.000**		**414.600.000**	
2. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	**186.495.280**	**30.422.486**	**216.917.766**	
a/ Thu ngân sách thành phố	***185.569.000***	***26.898.715***	***212.467.715***	
- Thu bổ sung cân đối ngân sách thành phố	156.816.000		156.816.000	
- Thu bổ sung có mục tiêu ngân sách thành phố	28.753.000	26.898.715	55.651.715	
+Kinh phí Nâng cấp, mở rộng trường TH Phú Lợi phường 2, TPST	10.000.000		10.000.000	
+ Kinh phí Mở rộng 20 phòng học trường TH và THCS Lý Thường Kiệt phường 1 TPST	8.985.000		8.985.000	
+ Kinh phí Cải tạo trường THCS Dương Kỳ Hiệp phường 2 TPST	9.580.000		9.580.000	
+ Kinh phí đảm bảo trật tự ATGT	188.000		188.000	
+ Kinh phí tổ chức thăm hỏi, tặng quà nhân dịp Tết Nguyên đán Nhâm Dần năm 2022		346.350	346.350	
+ Kinh phí để hỗ trợ thực hiện phòng, chống dịch COVID-19 (đợt 1).		1.690.097	1.690.097	
+ Kinh phí thay bảng chư, mé nhánh cây trong khuôn viên trụ sở Tỉnh ủy		444.294	444.294	
+ Kinh phí hỗ trợ tiền ăn cho người dân phải cách ly y tế để phòng, chống dịch Covid-19.		94.640	94.640	

Nội dung	Dự toán đầu năm (+đ/ chỉnh)	Dự toán điều chỉnh tăng (+) giảm (-)	Dự toán sau khi điều chỉnh	Ghi chú
+ Kinh phí hỗ trợ người lao động ngừng việc được hưởng chính sách theo Chương V Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn thành phố Sóc Trăng		994.000	994.000	
+ Kinh phí để thực hiện công tác duy tu, nạo vét các kênh, sửa chữa các cống dưới đê		1.300.000	1.300.000	
+ Kinh phí để chi hoàn trả tiền sử dụng đất và lệ phí đo đạc cho ông Trần Quốc Thắng.		66.023	66.023	
+ Kinh phí hỗ trợ người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương được hưởng chính sách theo Chương IV Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07/07/2021 của Thủ tướng Chính phủ.		41.100	41.100	
+ Kinh phí hỗ trợ hộ kinh doanh không phải đăng ký kinh doanh được hưởng chính sách theo khoản 21 Điều 1 Quyết định số 33/2021/QĐ-TTg ngày 06/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn thành phố Sóc Trăng.		120.000	120.000	
+ Kinh phí thực hiện chính sách tinh giản biên chế theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ, đợt II năm 2021 (lần 3) đối với 16 trường hợp trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.		219.367	219.367	
+ Kinh phí thanh toán chi phí xử lý rác thải sinh hoạt phát sinh trên địa bàn đưa về Nhà máy xử lý chất thải rắn thành phố Sóc Trăng		16.394.613	16.394.613	
Phê duyệt dự toán chi tiết kinh phí hoạt động chuyên ngành năm 2022 đối với Liên hiệp các Hội Khoa học và kỹ thuật tỉnh ST		30.000	30.000	
+ Kinh phí Lễ Kỷ niệm 30 năm tái lập tỉnh và Hội nghị Xúc tiến đầu tư tỉnh Sóc Trăng năm 2022.		1.722.500	1.722.500	
+ Kinh phí xây dựng, áp dụng và duy trì hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001:2015 vào hoạt động của các cơ quan nhà nước năm 2022.		165.000	165.000	
+ Kinh phí hoạt động dịch vụ công ích thủy lợi năm 2022		10.000	10.000	
+ Kinh phí hỗ trợ người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương được hưởng chính sách theo Chương IV Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn thành phố Sóc Trăng;		2.235.600	2.235.600	
+ Kinh phí hỗ trợ chính sách đối với cán bộ luân chuyển (Đ/c Lê Ngọc Hiển)		4.000	4.000	
+ Kinh phí thực hiện chính sách tinh giản biên chế theo Nghị định 108/2014/NĐ-CP của Chính phủ, đợt II năm 2021 (lần 2) đối với 01 trường hợp là bà Nguyễn Thị Thanh Hương thuộc đơn vị Ủy ban nhân dân phường 9		68.757	68.757	
+ Kinh phí để hỗ trợ đào tạo nghề trình độ sơ cấp và dưới 3 tháng cho người lao động		550.000	550.000	

Nội dung	Dự toán đầu năm (+đ/ chỉnh)	Dự toán điều chỉnh tăng (+) giảm (-)	Dự toán sau khi điều chỉnh	Ghi chú
+ Kinh phí để chi hoàn trả quyền sử dụng đất cho Công ty cổ phần đầu tư và phát triển đô thị dầu khí cửu Long		402.374	402.374	
b/ Thu ngân sách phường	***926.280***	***3.523.771***	***4.450.051***	
+ Kinh phí chi quà mừng thọ	726.280		726.280	
+ Kinh phí hỗ trợ hoạt động của Trung tâm học tập cộng đồng	200.000		200.000	
+ Kinh phí áp dụng và duy trì hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015		150.000	150.000	
+ Kinh phí hỗ trợ người lao động không có giao kết hợp đồng lao động		2.688.000	2.688.000	
+ Kinh phí hỗ trợ hộ kinh doanh không phải đăng ký kinh doanh được hưởng chính sách theo Khoản 21 điều 1 QĐ 33		120.000	120.000	
+ Kinh phí để hỗ trợ tiền ăn cho người dân phải cách ly y tế		94.640	94.640	
+ Kinh phí thực hiện chính sách tinh giản biên chế theo Nghị định 108/2014/NĐ-CP của Chính phủ, đợt II năm 2021 (lần 2) đối với 01 trường hợp là bà Nguyễn Thị Thanh Hương thuộc đơn vị Ủy ban nhân dân phường 9		68.757	68.757	
+ Kinh phí hoàn trả giá trị quyền sử dụng đất cho Cty Cổ Phần Đầu Tư & Phát triển đô thị dầu khí Cửu Long		402.374	402.374	
Thu quản lý qua NSNN	**0**	**0**	**0**	
Trong đó: - Ngân sách thành phố				
- Ngân sách phường		0	0	
3.Thu chuyển nguồn ngân sách 2021chuyển sang 2022	**0**	**53.704.303**	**53.704.303**	
Trong đó: - Ngân sách thành phố		48.079.223	48.079.223	
- Ngân sách phường		5.625.080	5.625.080	
4. Thu kết dư	**0**	**117.958.734**	**117.958.734**	
- Kết dư ngân sách thành phố	0	107.481.235	107.481.235	
- Kết dư ngân sách phường		10.477.499	10.477.499	

Nội dung	Dự toán đầu năm (+đ/ chỉnh)	Dự toán điều chỉnh tăng (+) giảm (-)	Dự toán sau khi điều chỉnh	Ghi chú
B.Dự toán chi ngân sách thành phố (bao gồm ngân sách phường)	**600.169.000**	**202.085.523**	**802.254.523**	
I. Dự toán chi ngân sách thành phố (các đơn vị thuộc thành phố quản lý)	**550.213.780**	**182.459.173**	**732.672.953**	
1.Chi ngân sách cấp thành phố theo phân cấp	***521.460.780***	***0***	***521.460.780***	
- Chi đầu tư phát triển	125.489.000		125.489.000	
- Chi thường xuyên	375.406.780		375.406.780	
- Dự phòng ngân sách	11.204.000		11.204.000	
- Chi cải cách tiền lương	9.361.000		9.361.000	
2. Chi chương trình mục tiêu từ số bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên	***28.753.000***	***26.898.715***	***55.651.715***	
+Kinh phí Nâng cấp, mở rộng trường TH Phú Lợi phường 2, TPST	10.000.000		10.000.000	
+ Kinh phí Mở rộng 20 phòng học trường TH và THCS Lý Thường Kiệt phường 1 TPST	8.985.000		8.985.000	
+ Kinh phí Cải tạo trường THCS Dương Kỳ Hiệp phường 2 TPST	9.580.000		9.580.000	
+ Kinh phí đảm bảo trật tự ATGT	188.000		188.000	
+ Kinh phí tổ chức thăm hỏi, tặng quà nhân dịp Tết Nguyên đán Nhâm Dần năm 2022		346.350	346.350	
+ Kinh phí để hỗ trợ thực hiện phòng, chống dịch COVID-19 (đợt 1).		1.690.097	1.690.097	
+ Kinh phí thay bảng chư, mé nhánh cây trong khuôn viên trụ sở Tỉnh ủy		444.294	444.294	
+ Kinh phí hỗ trợ tiền ăn cho người dân phải cách ly y tế để phòng, chống dịch Covid-19.		94.640	94.640	
+ Kinh phí hỗ trợ người lao động ngừng việc được hưởng chính sách theo Chương V Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn thành phố Sóc Trăng		994.000	994.000	
+ Kinh phí để thực hiện công tác duy tu, nạo vét các kênh, sửa chữa các cống dưới đê		1.300.000	1.300.000	
+ Kinh phí để chi hoàn trả tiền sử dụng đất và lệ phí đo đạc cho ông Trần Quốc Thắng.		66.023	66.023	
+ Kinh phí hỗ trợ người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương được hưởng chính sách theo Chương IV Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07/07/2021 của Thủ tướng Chính phủ.		41.100	41.100	

Nội dung	Dự toán đầu năm (+đ/ chỉnh)	Dự toán điều chỉnh tăng (+) giảm (-)	Dự toán sau khi điều chỉnh	Ghi chú
+ Kinh phí hỗ trợ hộ kinh doanh không phải đăng ký kinh doanh được hưởng chính sách theo khoản 21 Điều 1 Quyết định số 33/2021/QĐ-TTg ngày 06/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn thành phố Sóc Trăng.		120.000	120.000	
+ Kinh phí thực hiện chính sách tinh giản biên chế theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ, đợt II năm 2021 (lần 3) đối với 16 trường hợp trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.		219.367	219.367	
+ Kinh phí thanh toán chi phí xử lý rác thải sinh hoạt phát sinh trên địa bàn đưa về Nhà máy xử lý chất thải rắn thành phố Sóc Trăng		16.394.613	16.394.613	
+ Phê duyệt dự toán chi tiết kinh phí hoạt động chuyên ngành năm 2022 đối với Liên hiệp các Hội Khoa học và kỹ thuật tỉnh ST		30.000	30.000	
+ Kinh phí Lễ Kỷ niệm 30 năm tái lập tỉnh và Hội nghị Xúc tiến đầu tư tỉnh Sóc Trăng năm 2022.		1.722.500	1.722.500	
+ Kinh phí xây dựng, áp dụng và duy trì hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001:2015 vào hoạt động của các cơ quan nhà nước năm 2022.		165.000	165.000	
+ Kinh phí hoạt động dịch vụ công ích thủy lợi năm 2022		10.000	10.000	
+ Kinh phí hỗ trợ người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương được hưởng chính sách theo Chương IV Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn thành phố Sóc Trăng;		2.235.600	2.235.600	
+ Kinh phí hỗ trợ chính sách đối với cán bộ luân chuyển (Đ/c Lê Ngọc Hiền)		4.000	4.000	
+ Kinh phí thực hiện chính sách tinh giản biên chế theo Nghị định 108/2014/NĐ-CP của Chính phủ, đợt II năm 2021 (lần 2) đối với 01 trường hợp là bà Nguyễn Thị Thanh Hương thuộc đơn vị Ủy ban nhân dân phường 9		68.757	68.757	
+ Kinh phí để hỗ trợ đào tạo nghề trình độ sơ cấp và dưới 3 tháng cho người lao động		550.000	550.000	
+ Kinh phí để chi hoàn trả quyền sử dụng đất cho Công ty cổ phần đầu tư và phát triển đô thị dầu khí cửu Long		402.374	402.374	
3. Chi từ nguồn thu khác	***0***	***0***	***0***	
4.Chi từ các khoản thu chuyển nguồn ngân sách năm 2020 chuyển sang năm 2021	***0***	***48.079.223***	***48.079.223***	
- Chi chuyển nguồn các dự án, công trình thuộc vốn XDCB		21.590.593	21.590.593	
- Chi chuyển nguồn chi thường xuyên		16.356.240	16.356.240	

Nội dung	Dự toán đầu năm (+đ/ chỉnh)	Dự toán điều chỉnh tăng (+) giảm (-)	Dự toán sau khi điều chỉnh	Ghi chú
- Chi chuyển nguồn chi thực hiện CCTL		10.132.390	10.132.390	
5.Chi từ kết dư ngân sách năm 2021	***0***	***107.481.235***	***107.481.235***	
Trong đó:				
5.1 Kết dư từ ngân sách thành phố	***0***	***67.968.669***	***67.968.669***	
- Chi đầu tư XDCB		**55.932.000**	**55.932.000**	
- Chi hỗ trợ quỹ và tham gia vốn góp	**0**	**2.000.000**	**2.000.000**	
- Chi bổ sung phát sinh ngoài dự toán	**0**	**10.036.669**	**10.036.669**	
Điều chỉnh cục bộ Quy hoạch các phân khu số 2C, số 4, số 3A, số 7A, số 9A		1.111.669	1.111.669	
Thực hiện các công trình chào mừng 30 năm tái lập tỉnh và thành phố Sóc Trăng được công nhận là đô thị loại II trực thuộc tỉnh Sóc Trăng		6.000.000	6.000.000	
Sửa chữa, bảo dưỡng đường Xô Viết Nghệ Tĩnh (đoạn từ đường 30/4 đến đường Lý Thường Kiệt; Cải tạo Đài tưởng niệm Chiến sĩ Tiểu đoàn Phú Lợi phường 2		2.925.000	2.925.000	
5.2 Kết dư từ nguồn trợ cấp có mục tiêu ngân sách tỉnh	***0***	***39.512.566***	***39.512.566***	
Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ chi phí học tập và miễn giảm học phí theo Nghị định 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ)		2.881.622	2.881.622	
Kinh phí hỗ trợ tiền ăn trưa cho trẻ 3-5 tuổi		571.058	571.058	
Tiền điện hộ nghèo, hộ chính sách xã hội		996.404	996.404	
Kinh phí đào tạo nghề lao động nông thôn		177.364	177.364	
Kinh phí trợ cấp xã hội theo Nghị định 20/2021/NĐ-CP của Chính phủ		924.884	924.884	
Kinh phí hỗ trợ học sinh và trường học phổ thông ở xã, ấp đặt biệt khó khăn		74.000	74.000	
Kinh phí lập thiết kế đô thị riêng các trục đường chính		3.256.402	3.256.402	
Kinh phí thực hiện chính sách tinh giản biên chế đợt II năm 2019 do tính dư của ông Cao Dương Anh Tài		31.506	31.506	
Kinh phí hỗ trợ phòng, chống hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng		70.431	70.431	

Nội dung	Dự toán đầu năm (+đ/ chỉnh)	Dự toán điều chỉnh tăng (+) giảm (-)	Dự toán sau khi điều chỉnh	Ghi chú
Giải phóng mặt bằng khu hành chính		1.983.384	1.983.384	
Kinh phí từ nguồn thu xử lý tài sản nhà, đất công để thực hiện dự án Mở rộng trụ sở Thành ủy – Hội đồng nhân dân - Ủy ban nhân dân thành phố Sóc Trăng		27.206.000	27.206.000	
Kinh phí hỗ trợ người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương được hưởng chính sách theo Chương IV Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn thành phố Sóc Trăng.		29.825	29.825	
Kinh phí hỗ trợ người lao động ngừng việc được hưởng chính sách theo Chương V Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn thành phố Sóc Trăng.		9.000	9.000	
Thực hiện công tác kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019		357.817	357.817	
Chi phí san lấp mặt bằng diện tích đất bố trí tái định cư tại đường Lê Duẩn		252.869	252.869	
Cải tạo 4 phòng học trường Mẫu giáo Én Xuân		690.000	690.000	
II.Chi ngân sách cấp phường	**49.955.220**	**19.626.350**	**69.581.570**	
- Dự toán chi thường xuyên ngân sách cấp phường	48.101.940		48.101.940	
- Dự phòng ngân sách	927.000		927.000	
- Chi chuyển nguồn năm 2021 chuyển sang năm 2022	0	5.625.080	5.625.080	
- Bổ sung có mục tiêu	926.280	3.523.771	4.450.051	
- Chi từ nguồn kết dư ngân sách phường		10.477.499	10.477.499	